TÒA ÁN ND TP.THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 163/2019/QĐST-HNGĐ	*Thái Nguyên, ngày 05 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 167/2019/TLST/HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Quang T, sinh năm 1985.

ĐKHKTT: Xóm A, xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi tạm trú: Xóm C, xã T, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Chị Vi Thị Thùy L, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Xóm C, xã T, thành phố TH, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13, ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn anh Phạm Quang T và chị Vi Thị Thùy L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quang T và chị Vi Thị Thùy L nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Khánh L, sinh năm 29/01/2010. Sau khi ly hôn các đương sự thỏa thuận chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh T tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007390 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên. Hoàn trả anh T 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP.Thái Nguyên;
- T.H.A DS TP.Thái Nguyên;
- UBND xã Thịnh Đức, thành phố Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Quý My